TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-ST
Ngày: 02-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thế Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải.

Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 586/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐ-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở số B, đường N, Phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Nguyễn Đức Thạnh D, chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Vũ Hoàng Trung H. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh kiêm Trưởng phòng giao dịch (Vắng mặt).

(Theo Quyết định 3272/2022/QĐ-PL ngày 26-12-2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

- *Người được ủy quyền lại*: Bà Lê Thị Phương T. Chức vụ: CVQLTD và KSRR – Ngân hàng S (Có mặt).

Địa chỉ số F, đường C, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Theo Giấy ủy quyền số 52/2023/GUQ – PGD Rạch Dừa ngày 22-6-2023)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ số A, đường C - Cảng cá C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày: Ngày 23-9-2022, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lê Thị Thanh T1 ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng, theo đó, bà T1 được sử dụng 02 thẻ tín dụng, gồm số 472074-7985 (gọi tắt là thẻ 1) và số 211251-9939 (gọi tắt là thẻ 2) – VS Cre Classic, loại thẻ VISA, theo đó, hai bên thỏa thuận hạn mức tín dụng là 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng), bà T1 được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần. Về lãi suất: Đối với thẻ 1, lãi suất trong hạn là 2,766%/tháng; Đối với thẻ 2, lãi suất trong hạn là 1,55%/tháng. Cả hai thẻ đều thỏa thuận: Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau; Lãi quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra, bà T1 còn phải chịu các khoản phí khác theo thỏa thuận.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.417.840đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 34.283.494đồng.

Mặc dù, đã được ngân hàng thông báo nhắc nhở nhiều lần về việc trả nợ nhưng bà T1 không thực hiện nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ của 02 thẻ sang nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn, cụ thể:

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.417.840đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 34.283.494đồng.

Sau đó, bà T1 không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, mặc dù, đã được ngân hàng thông báo nhắc nhở nhiều lần về việc trả nợ nhưng bà T1 không thực hiện nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ của 02 thẻ sang nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn, cụ thể:

- Đối với thẻ số 1: Thời điểm chuyển toàn bộ dư nợ 20.201.971đồng là ngày 09-5-2023 và áp dụng lãi quá hạn cùng thời điểm này. Tuy nhiên, ngày 13-3-2024, bà T1 trả 1.000.000đồng, số nợ gốc còn lại là 19.201.971đồng, nợ lãi quá hạn là 9.414.469đồng. Tổng số tiền nợ gốc, lãi quá hạn của thẻ số 1 là 28.616.440đồng.

- Đối với thẻ số 2: Thời điểm chuyển toàn bộ dư nợ 6.740.000đồng là ngày 25-4-2022 và áp dụng lãi quá hạn cùng thời điểm này. Bà T1 đã trả được 2.000.000đồng nợ gốc nên nợ gốc còn lại là 4.740.000đồng, nợ lãi quá hạn là 1.662.608đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn của thẻ số 2 nợ là 6.402.608đồng.

Tổng số nợ của 02 thẻ là 34.749.048 đồng, trong đó, nợ gốc 23.671.971 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.077.077đồng. Do vậy, Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền trên và lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Lê Thị Thanh T1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

3. Tại phiên tòa:

- Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác nhận tính đến thời điểm ngày 01-4-2024, bà T1 còn nợ ngân hàng với tổng số tiền của 02 thẻ là 34.749.048 đồng, trong đó, nợ gốc 23.671.971 đồng, nợ lãi quá hạn là 11.077.077đồng và lãi phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Ngoài ra, Ngân hàng không có yêu cầu nào khác.

4. Đại diện VKSND TP Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngày 18-6-2018, Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Lê Thị Thanh T1 ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng, vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân. Địa chỉ bà Thủy cung c theo Hợp đồng tín dụng là số 1007/34, đường C-Cảng cá C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay có tranh chấp xảy ra, Hội đồng xét xử xác định, quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác, vẫn vắng mặt trong suốt quá trình xét xử nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND phường nơi địa chỉ bị đơn cung cấp tại thời điểm ký kết hợp đồng và xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn.

[2.1]. Xét yêu cầu trả nợ gốc:

- Đối với thẻ số 1: Ngày 09-5-2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 20.201.971đồng của bà T1 sang nợ gốc. Đến ngày 13-3-2024, bà T1 tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng 1.000.000đồng, nợ gốc còn lại 19.201.971đồng.

- Đối với thẻ số 2: Ngày 25-4-2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 6.740.000đồng của T1 sang nợ gốc và áp dụng lãi quá

hạn từ thời điểm này. Ngày 14-12-2023, bà T1 trả gốc thêm 1.000.000đồng. Ngày 15-01-2024, bà T1 trả gốc thêm 1.000.000đồng, nợ gốc của thẻ 2 là 4.740.000đồng.

- Tổng số tiền nợ gốc của 02 thẻ là 23.941.971đồng (19.201.971đồng + 4.740.000đồng).

[2.2]. Xét yêu cầu trả nợ lãi:

[2.2.1]. Đối với thẻ tín dụng 1: Hai bên thỏa thuận lãi trong hạn là 2,76%/tháng; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn (Mục 1.24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ vào thời gian trả gốc, tiền lãi quá hạn của thẻ 1 được tính thành 02 thời điểm, cụ thể như sau:

- Từ thời điểm ngày 09-5-2023 đến ngày 13-3-2024 là 310 ngày trên số tiền gốc 20.201.971đồng chưa trả nên lãi quá hạn là 8.661.190đồng.

- Từ thời điểm ngày 13-3-2024 đến ngày 01-4-2024 (xét xử sơ thẩm) là 20 ngày trên số tiền gốc 19.201.971đồng chưa trả nên lãi quá hạn là 531.126đồng.

Thẻ 1 có tổng số tiền lãi quá hạn bà T1 phải trả là 9.192.316đồng (8.661.190đồng + 531.126đồng)

[2.2.2]. Đối với thẻ tín dụng số 2: Hai bên thỏa thuận lãi trong hạn là 1,55%/tháng; Lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn, theo các thời gian trả gốc, lãi quá hạn của thẻ số 2 được tính 03 thời điểm cụ thể như sau:

- Từ thời điểm ngày 25-4-2022 đến ngày 14-12-2023 là 233 ngày trên số tiền gốc 6.740.000đồng chưa trả nên lãi quá hạn là 1.217.075đồng.

- Từ thời điểm ngày 15-12-2023 đến ngày 15-01-2024 là 32 ngày trên số tiền gốc 5.740.000đồng chưa trả nên lãi quá hạn là 142.198đồng.

- Từ thời điểm ngày 16-01-2024 đến ngày 01-4-2024 là 77 ngày trên số tiền gốc 4.740.000đồng chưa trả nên lãi quá hạn là 282.859đồng.

Thẻ 2 có tổng số tiền lãi quá hạn bà T1 phải trả là 1.642.132đồng (1.217.075đồng+142.198đồng+282.859đồng).

[2.2.3]. Thẻ 1 và thẻ 2 có tổng số tiền lãi quá hạn bà T1 phải trả là: 10.834.448đồng (9.192.316đồng +1.642.132đồng)

Từ phân tích [2.1] và [2.2], Hội đồng xét xử xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ gốc và tính lãi quá hạn đúng thời gian vi phạm, đúng các thoả thuận theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã cam kết và phù hợp với Khoản 1, 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền của 02 thẻ tín dụng là 34.776.419đồng, trong đó, nợ gốc là 23.941.971đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01-4-2024 là 10.834.448đồng và bà T1 còn phải trả lãi

phát sinh từ ngày 02-4-2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 94 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Lê Thị Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 34.776.419đồng (Ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, bốn trăm mười chín đồng), trong đó, nợ gốc là 23.941.971đồng (Hai mươi ba triệu, chín trăm bốn mươi một ngàn, chín trăm bảy mươi một đồng), nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01-4-2024 là 10.834.448đồng (Mười triệu, tám trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm bốn mươi tám đồng)

Tính từ ngày 02-4-2024, bị đơn bà Lê Thị Thanh T1 còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng cho đến khi bị đơn trả dứt các khoản nợ trên.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Thanh T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.738.820đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn, tám trăm hai mươi đồng).

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 700.000đồng (Bảy trăm ngàn đồng) cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001369 ngày 09-10-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục thi hành án DS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thế Dũng